

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2024

"Về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Văn Hoàn** và bà **Lê Thị Thao**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:

Bà **Đỗ Thị Xoa**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng về việc "*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-ST ngày 26/4/2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐ-HPT ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Hồng D**, sinh năm 1981

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T** (tên gọi khác là **Lê Hải T**), sinh năm 1978

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn **Đỗ Trung**, xã **Cao An**, huyện **Cẩm Giàng**, tỉnh **Hải Dương**.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị được vắng mặt; bị đơn là anh **Triều** có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, chị **Vũ Hồng D** trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Chị với anh **Lê Văn T** (tên gọi khác là **Lê Hải T**) được tự do tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã **Cao An**, huyện **Cẩm Giàng**, tỉnh **Hải Dương** vào ngày 19/3/1999 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn **Đỗ Trung**, xã **Cao An**, huyện **Cẩm Giàng**, tỉnh **Hải Dương** hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T** ham chơi bời, cờ bạc, thường xuyên gây sự, đánh đập chị, có lần anh **Triều** còn có hành động dí dao vào cổ chị, đe dọa giết chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã chịu đựng nhẫn nhịn sống chung với anh **T** vì nghĩ thương 02 con, chị cho anh **T** nhiều cơ hội để sửa sai nhưng

anh T không thay đổi mà ngày càng đối xử tệ bạc với chị, mâu thuẫn vợ chồng lớn dần xảy ra liên tục và kéo theo năm tháng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh T hành hạ tinh thần mẹ con chị, có một thời gian nhiều đêm anh T chửi bới không cho chị ngủ khiến chị thấy mệt mỏi khi phải sống chung với anh. Tuy nhiên, nguyên nhân chính dẫn đến chị quyết định ly hôn anh là vì anh T đã ngang nhiên đưa người phụ nữ khác và một cháu gái tầm tuổi thiếu nữ về gia đình bố mẹ anh T, giới thiệu với các thành viên trong gia đình là vợ và con riêng của anh T và cũng từ đó, anh T thường xuyên đi qua đêm không về nhà, chị được biết anh T đã chung sống với người phụ nữ khác ở địa bàn huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Nhưng chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên điều đó chị không quan tâm và chị không đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét gì về việc anh T chung sống với người phụ nữ khác nói trên. Nay, chị xác định vợ chồng đã sống ly thân nhau thời gian khoảng 02 hơn năm nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Trước khi gửi đơn đến Tòa, chị có yêu cầu anh T đi cùng chị lên Tòa án nhưng anh T không đi và còn chửi, đe dọa và nói với chị rằng: *“Mày dám bỏ tao à, tao có thể lấy thêm vợ mới thì mày cũng không có quyền bỏ tao, tao không muốn nhìn thấy mặt mày trong nhà nhưng tao không dễ dàng đồng ý ly hôn với mày, tao sẽ không đến Trụ sở Tòa án để giải quyết ly hôn thuận tình cho mày được, tao còn hành hạ tinh thần mày cho đến khi mày chết thì mới thôi”*. Ngoài ra, anh T còn đe dọa chị: *“Nếu có tình đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh ta sẽ vứt hết quần áo và đồ đạc của chị ra ngoài đường”*. Từ những mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống diễn ra kéo dài nhiều năm nên chị khẳng định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nếu không được giải quyết nhanh và kịp thời, có thể bị đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của mẹ con chị, nhiều lần chị phải điện thoại cho Công an xã Cao An đề nghị can thiệp, giải quyết và bảo vệ mẹ con chị nhưng Công an xã cũng chỉ gọi anh T giáo dục trực tiếp chứ không có giải quyết bằng văn bản nên chị không có tài liệu, chứng cứ đó để giao nộp cho Tòa án được. Chị khẳng định không thể chịu đựng thêm được ngày nào nữa vì không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung Lê Hồng Phong, sinh ngày 25/5/2001 và Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018 nhưng con lớn đã trưởng thành. Nay, vợ chồng ly hôn, cháu Thủy còn nhỏ và chị là người đã và đang chăm sóc nuôi dưỡng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết tiếp tục giao cho chị được nuôi dưỡng con và chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ. Sau đó, chị xác định anh T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên chị tự nguyện rút nội dung này, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Bởi lẽ, thực tế từ khi sinh 2 con ra thì chị là người đi làm kiếm tiền nuôi các con, anh Triều không có trách nhiệm gì với các con. Hiện nay chị đang là công nhân làm việc tại Công ty TNHH HANOI GREEN FOODS, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng từ 8-10 triệu đồng, được thể hiện tại phiếu thanh toán tiền lương hàng tháng mà chị đã cung cấp cho Tòa án lưu tại hồ sơ vụ án nên chị khẳng định cuộc sống của mẹ con chị đã và đang rất tốt. Mặt khác, anh T đã và đang không có công việc làm ổn định, không có thu nhập nên không thể có điều kiện để nuôi con tốt bằng chị được. Ngoài ra, việc đưa đón con đi học hàng ngày bản thân chị đang thực hiện đều đặn hàng ngày nên sau khi vợ chồng ly hôn chị tự khắc phục việc đưa đón con mà không cần sự hỗ trợ gì từ phía anh T; Về chỗ ở hiện nay và tài sản chung của vợ chồng: Chị D xác định vợ chồng có tài sản là nhà đất tại thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Giàng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng, hiện trên thửa đất có 01 ngôi nhà chính và 01 ngôi nhà phụ, 2 ngôi nhà này riêng biệt, mẹ con chị đang sống tại ngôi nhà phụ, còn anh T đang sống tại ngôi nhà chính. Nên về chỗ ở sau khi ly hôn thì mẹ con chị vẫn có chỗ ở ổn định khi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trường hợp, sau khi ly hôn mà chị không thể chung sống như hiện nay được nữa thì chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn theo pháp luật ở vụ án Dân sự khác. Chị có nguyện vọng để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; Về nợ chung và công sức đóng góp với 2 bên gia đình: Chị D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Ngoài ra, chị có đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa ở các cấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Theo bản tự khai của bị đơn anh Lê Văn T (tên gọi khác là Lê Hải T) trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Vũ Hồng D được tự do tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng, được 2 bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/3/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đến nay. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng đã xảy nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi chị D xin đi làm ở Công ty nên thay lòng đổi dạ, không còn yêu thương chồng con như trước nữa, chê chồng, mê tiền, không tôn trọng anh. Từ đó, dẫn đến việc vợ chồng tuy còn chung sống một nhà nhưng ly thân nhau và không có trách nhiệm gì đến nhau, không ăn chung, ngủ chung, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay, vì thương các con nên anh không muốn ly hôn với chị D nhưng nếu chị D cương quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật; Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung Lê Hồng Phong, sinh ngày 25/5/2001 và Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018; con

lớn là Phong đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, con nhỏ là Thủy thì anh đề nghị, trường hợp Tòa xử cho vợ chồng anh ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh được biết chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được tiếp tục nuôi con và chị yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ, anh không đồng ý. Bởi, thực tế anh làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định hàng tháng và cũng không có cơ quan hay Công ty, tổ chức nào có thể xác nhận về mức thu nhập hàng tháng của anh nên anh không thể cung cấp mức thu nhập cá nhân của anh cho Tòa án được. Nhưng nếu chị D không nuôi được con thì đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng con và anh tự nguyện không yêu cầu chị D phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng cùng anh; Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Giàng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng là Lê Văn T và Vũ Hồng D, hiện nay cả hai vợ chồng đang sinh sống tại 2 ngôi nhà (01 ngôi nhà chính, 02 nhà phụ) riêng biệt xây dựng trên thửa đất và là tài sản chung của vợ chồng nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; Về nợ chung và công sức đóng góp với 2 bên gia đình: Anh T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Ngoài những nội dung nêu trên, anh T không có yêu cầu phản tố đối với nội dung khởi kiện của chị D và không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Tại biên bản xác minh Công an xã Cao An, huyện Cẩm Giàng cung cấp thông tin:* Qua kiểm tra trên cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú thể anh Lê Văn T, sinh năm 1979. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đỗ Trung xã Cao An, huyện Cẩm Giàng có mã số định danh cá nhân: 030078000874 là chủ hộ gia đình cùng các thành viên khác, gồm: Chị Vũ Hồng D, sinh năm 1981 có quan hệ là vợ của anh Lê Văn T cùng 02 con chung là cháu Lê Hồng Phong, sinh năm 2001 và cháu Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018. Ngoài ra, Công an xã Cao An còn xác định trong cuộc sống hàng ngày tại thôn Đỗ Trung, Công an xã có nhận được thông tin trình báo từ chị D về việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều lần, đã tham gia giải quyết, can thiệp và động viên cả vợ chồng anh T, chị D. Tuy nhiên, có lần chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống một thời gian, sau đó lại quay về đoàn tụ, hiện nay chị D và anh T đều là công dân của thôn Đỗ Trung và sinh sống trên các ngôi nhà và đất là tài sản chung của anh chị tại địa phương.

** Tại biên bản xác minh UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng cung cấp thông tin:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1978. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đỗ Trung xã Cao An, huyện Cẩm Giàng có mã số định danh cá nhân: 030078000874

là chủ hộ gia đình cùng các thành viên khác, gồm: Chị Vũ Hồng D, sinh năm 1981 có quan hệ là vợ của anh Lê Văn T cùng 02 con chung là cháu Lê Hồng Phong, sinh năm 2001 và cháu Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018 và họ tên anh Lê Hải T được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn được đăng ký kết hôn với chị Vũ Hồng D, sinh năm 1981 tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng đúng là anh T và là 01 con người có vợ là chị Vũ Hồng D và có 02 con chung là Lê Hồng Phong, sinh năm 2001 và cháu Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018, là công dân đã và đang sinh sống tại thôn Đổ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm được cụ thể, không nhận được đơn đề nghị của anh chị và cũng không tổ chức hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị nhưng theo thông tin từ cơ sở thôn, được biết tuy vợ chồng vẫn chung sống tại nhà đất là tài sản chung nhưng không hạnh phúc. Các công dân có đơn khởi kiện, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn xin vắng tại phiên tòa. Bị đơn có mặt tại phiên tòa mặc dù trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án triệu tập anh T nhiều lần nhưng đều không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản này trình bày về lý do vắng mặt. Tại nội dung đơn của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, đề nghị Tòa án giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng nguyên đơn. Bị đơn có mặt tại phiên tòa và có quan điểm, vì thương con nên xin được đoàn tụ vợ chồng với nguyên đơn, không đồng ý ly hôn với bị đơn nhưng trường hợp bị đơn cương quyết đề nghị ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và đề nghị được nuôi con nhỏ, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng tiền nuôi con cùng bị đơn. Ngoài ra, cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật; Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy

định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Hồng D ly hôn anh Lê Văn T (tên gọi khác Lê Hải T); Về con chung: Giao con là Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018 cho chị Vũ Hồng Duyên trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị D về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D; Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là anh Lê Văn T (tên gọi khác là Lê Hải T) hiện đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều được Tòa án giấy triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Vũ Hồng D và anh Lê Văn T (tên gọi khác là Lê Hải T) kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/3/1999 tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, xác định quan hệ của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài nhiều năm và đã sống ly thân nhau và không quan tâm, có trách nhiệm gì với nhau, không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị D và anh T không thực hiện được các nghĩa vụ trên nên cần xử cho chị Vũ Hồng D ly hôn anh Lê Văn T (tên gọi khác là

Lê Hải T) là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xác định vợ chồng chị D và anh T có 02 con chung là Lê Hồng Phong, sinh ngày 25/5/2001 và Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018; con lớn là cháu Phong đã trưởng thành, anh chị đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; còn con nhỏ là cháu Thủy thì cả chị D và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, cần xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, giao con cho ai nuôi thì phải bảo đảm cuộc sống tốt nhất cho con. Trong vụ án này, hiện nay thì cháu Thủy đang do chị D chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định về việc học tập cũng như sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày. Mặt khác, cháu Thủy còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi hướng dẫn về mọi mặt của người mẹ. Ngoài ra, chị D có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng nên Hội đồng xét xử, xét việc giao con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ thuận lợi, đảm bảo tốt cuộc sống, quyền lợi ích cho con về mọi mặt và phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc chị D cho rằng anh T không có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng nên chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. HĐXX nhận thấy, chị D có việc làm, thu nhập với mức lương ổn định, trung bình mỗi tháng từ khoảng 8 đến 10 triệu đồng được thể hiện tại phiếu thanh toán lương mang tên Vũ Hồng D do Công ty TNHH HANOI GREEN FOODS xác nhận mà chị đã cung cấp cho Tòa án lưu tại hồ sơ vụ án nên chị khẳng định cuộc sống của mẹ con chị đã và đang ổn định. Như vậy, với mức thu nhập như trên tại địa bàn nơi mẹ con chị sinh sống là đảm bảo cuộc sống cho con nên việc rút yêu cầu của chị D nêu trên là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị D, đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị D.

Đối với việc anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. HĐXX xét thấy, cháu Thủy là con gái và còn nhỏ đang do chị D nuôi dưỡng ổn định về mọi mặt. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T có mặt và khẳng định anh làm nghề lao động tự do, nhiều nghề và thường xuyên đi khắp mọi nơi nhưng đi nhiều nhất là trong địa bàn tỉnh Hải Dương để kiếm việc làm, anh không làm cho cơ quan, tổ chức nào nên anh không thể công khai mức thu nhập của anh cho Tòa án biết được và cũng không thể cung cấp mức thu nhập hàng tháng của anh cho Tòa án được. Tại phiên tòa

anh T khai như trên đồng thời không cung cấp được mức thu nhập ổn định của anh để có thể nuôi dưỡng đảm bảo cuộc sống cho con mà không cần sự cấp dưỡng của chị D là không có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của anh T vì không phù hợp qui định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận nguyện vọng của anh T.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D và anh T đều xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh chị là người trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản chung nêu trên, anh chị đều có nguyện vọng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Chị D và anh T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Vũ Hồng D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Hồng D ly hôn anh Lê Văn T (tên gọi khác Lê Hải T).

2. Về con chung:

2.1. Xử: Giao con là Lê Phương Thủy, sinh ngày 15/02/2018 cho chị Vũ Hồng Duyên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị D;

Anh Lê Văn T (tên gọi khác Lê Hải T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chị D yêu cầu anh Lê Văn T (tên gọi khác là Lê Hải T) phải cấp dưỡng tiền nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đ của chị Vũ Hồng Duyên.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Hồng D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0000060 ngày 09/01/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (chị D) vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn (anh T) có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi Cục thi hành án DS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (Kết hôn ngày 19/3/1999);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án..

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Tố Uyên